TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN NÚI THÀNH** **TỈNH QUẢNG NAM**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2023/HNGĐST
Ngày: 31/3/2023
V/v: "Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NÚI THÀNH, TỈNH QUẢNG NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: **Bà Nguyễn Thị Hoàng Trà.**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Nguyễn Văn Thư**

2. Ông **Dương Minh Ngọc**

Thư ký phiên tòa: Bà **Lê Huỳnh Lan Vi** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Núi Thành tham gia phiên tòa: Ông **Nguyễn Trọng Nghĩa**, Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 307/2022/TLST-HNGĐ ngày 21/10/2022 về "Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 06/03/2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Trần Thị Thu T, sinh năm: 1989, địa chỉ: Thôn V, xã T, huyện N, tỉnh Quảng Nam.

2. Bị đơn: Ông Tạ Ngọc C, sinh năm: 1989, địa chỉ: Thôn V, xã T, huyện N, tỉnh Quảng Nam.

Các đương sự có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Trần Thị Thu T trình bày:

Bà T và ông C tự nguyện tìm hiểu đến với nhau thành vợ chồng có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn năm 2014 tại UBND xã T, huyện N, tỉnh Quảng Nam. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do ông C không lo làm ăn, lâm vào tệ nạn xã hội, có hành vi bạo lực gia đình. Hiện nay vợ chồng không còn chung sống, bà T đã đi khỏi nhà vì không khắc phục được mâu thuẫn. Nay tình cảm vợ chồng đã hết, bà T làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà ly hôn ông C.

Về con chung: Có hai con chung là Tạ Ngọc Gia B, sinh năm: 2015 và Tạ Ngọc Gia H, sinh năm: 2017. Sau ly hôn, bà T yêu cầu được nuôi cả hai con, không yêu cầu ông C cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung và cho mượn nợ: Vợ chồng tự giải quyết, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Tạ Ngọc C trình bày:

Về điều kiện và thời gian kết hôn ông C đồng ý như bà T khai, vợ chồng có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn năm 2014 tại UBND xã T; trong quá trình chung sống đến năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn do ông C có sai nhưng ông thấy mâu thuẫn không lớn, tình cảm vợ chồng vẫn còn nên ông C hứa sẻ sửa đổi để về chung sống nuôi con. Nếu bà T vẫn yêu cầu ly hôn thì ông đồng ý ly hôn

Về con chung có hai con chung là Tạ Ngọc Gia B, sinh năm: 2015 và Tạ Ngọc Gia H, sinh năm: 2017. Nếu ly hôn ông C yêu cầu được nuôi cả 02 con và không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung và cho mượn nợ: Vợ chồng tự giải quyết, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên toà Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên toà và của nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng pháp luật; Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử xử cho bà Trần Thị Thu T được ly hôn với ông Tạ Ngọc C. Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung: Giao các con chung cho bà T nuôi dưỡng vì bà T đủ điều kiện theo quy định của pháp luật để nuôi các con, bà T không yêu cầu giải quyết nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung nên không đề cập giải quyết; về tài sản chung, nợ chung và cho mượn nợ chung: Không yêu cầu nên không đề cập giải quyết.

Nguyên đơn chịu án phí hôn nhân gia đình theo quy định của pháp luật;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam tham gia tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Trần Thị Thu T có đơn yêu cầu ly hôn, tranh chấp nuôi con với ông Tạ Ngọc C. Theo đơn khởi kiện, các tài liệu chứng cứ kèm theo đơn thì ông C có đăng ký thường trú tại thôn V, xã T, huyện N, tỉnh Quảng Nam. Do đó, theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, xác định đây là vụ án ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân

dân huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam.

[2] **Về thủ tục tố tụng**: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ các đương sự để tham gia các phiên họp, phiên hòa giải. Sau khi Tòa án tiến hành hòa giải để các bên đoàn tụ nhưng không thành nên đưa vụ án ra xét xử theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] **Về quan hệ hôn nhân**: Bà Trần Thị Thu T và ông Tạ Ngọc C tự nguyện tìm hiểu đến với nhau thành vợ chồng có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn vào ngày 06/11/2014 tại UBND xã T, huyện N, tỉnh Quảng Nam. Như vậy, quan hệ hôn nhân giữa bà T với ông C là hợp pháp, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

Trong quá trình chung sống hạnh phúc không được bao lâu thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn theo bà T trình bày và ông C cũng thừa nhận là do ông C không lo làm ăn, lâm vào tệ nạn xã hội, có hành vi bạo lực gia đình. Hiện **n**ay vợ chồng không còn chung sống, bà T đã đi khỏi nhà vì không khắc phục được mâu thuẫn. Nay tình cảm vợ chồng đã hết, mục đích hôn nhân không đạt được, bà T làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà ly hôn và ông C đồng ý ly hôn.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhằm hòa giải cho hai bên khắc phục mâu thuẫn quay về đoàn tụ nhưng hòa giải đoàn tụ không thành do bà T cương quyết ly hôn, cả hai không khắc phục được mâu thuẫn. Ông C cũng không kiên trì hòa giải thể hiển ở việc Tòa án triệu tập hòa giải lần hai ông C vắng mặt. Xét thấy, mâu thuẫn giữa bà T và ông C đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, vợ chồng phần ai nấy sống, không quan tâm đến nhau, mục đích hôn nhân không đạt được, cả hai vợ chồng đã thấy được mâu thuẫn nhưng không có hướng khắc phục và không muốn khắc phục để về chung sống nên chấp nhận cho bà Trần Thị Thu T được ly hôn với ông Tạ Ngọc C là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] **Về con chung**: Bà T và ông C có hai con chung là Tạ Ngọc Gia B, sinh năm: 2015 và Tạ Ngọc Gia H, sinh năm: 2017. Bà T có yêu cầu được chăm sóc, nuôi dưỡng con 02 con chung đến khi dủ 18 tuổi trưởng thành, ông C cũng yêu cầu được chăm sóc, nuôi dưỡng con 02 con chung đến khi dủ 18 tuổi trưởng thành. Không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con chung.

Đối với cháu B đã trên bảy tuổi có nguyện vọng được ở với mẹ là bà T. Hội đồng xét xử xét thấy: việc nuôi con phải phù hợp với điều kiện thực tế và khả năng nuôi dưỡng cũng như đảm bảo sự phát triển ổn định về thể chất và tinh thần cho đứa trẻ. Hiện nay cháu B đã trên bảy tuổi nên cần tôn trọng nguyện vọng của con. Đối với cháu H còn nhỏ, bà T có công việc và thu nhập ổn định,

có đủ điều kiện để chăm sóc con tốt hơn. Vì vậy, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cho hai con chung là cháu B và cháu H. Căn cứ theo quy định của pháp luật nên xét giao hai con chung Tạ Ngọc Gia B, sinh ngày 18/03/2015 và Tạ Ngọc Gia H, sinh ngày 13/10/2017 cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng đến đủ 18 tuổi trưởng thành là phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình.

[5] **Về cấp dưỡng nuôi con chung**: Do bà T không còn yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[6] **Về tài sản chung, nợ chung và cho mượn nợ chung**: Bà T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đề cập xem xét.

[7] **Về án phí hôn nhân – đình sơ thẩm**: Bà Trần Thị Thu T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 273, Điều 278, Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí và lệ phí Tòa án,

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị Thu T về việc "*Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn*" đối với bị đơn ông Tạ Ngọc C.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị Thu T được ly hôn với ông Tạ Ngọc C.

2. Về con chung và cấp dưỡng nuôi con: Giao 02 con chung Tạ Ngọc Gia B, sinh ngày 18/03/2015 và Tạ Ngọc Gia H, sinh ngày 13/10/2017 cho bà Trần Thị Thu T trực tiếp nuôi dưỡng đến đủ 18 tuổi trưởng thành. Ông Tạ Ngọc C không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Ông Tạ Ngọc C được quyền thăm nom và chăm sóc con chung, không ai được quyền cản trở ông C thực hiện quyền này. Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về tài sản chung, nợ chung và cho mượn nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

4. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Trần Thị Thu T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*), được trừ vào số tiền

tạm ứng án phí bà Trần Thị Thu T đã nộp là 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0011360 ngày 21/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam.

5. Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 của Luật thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:
- *VKSND huyện Núi Thành;*
- *Chi cục THADS huyện Núi Thành;*
- *TAND tỉnh Quảng Nam;*
- *UBND xã Tam Hiệp, huyện Núi Thành;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ, AV.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Hoàng Trà